

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ ĐIỀU HÀNH LÃI SUẤT TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Thạc sĩ ĐẶNG THỊ NGỌC LAN

Hơn 10 năm đổi mới, ngành ngân hàng đã đạt được những thành tựu nhất định, góp phần không nhỏ vào những thành tựu chung của nền kinh tế. Trong nhiệm vụ thực hiện xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã rất chú trọng đến việc đổi mới các công cụ điều tiết như lãi suất, dự trữ bắt buộc, tỷ giá hối đoái, ... Lãi suất được coi là công cụ nhạy cảm, có ảnh hưởng trực tiếp lớn nhất. Thời gian qua từ thực tế sử dụng công cụ lãi suất, chúng ta đã đúc kết được ít nhiều kinh nghiệm, đặc biệt là trong việc chuyển sang cơ chế lãi suất thực dương. Tuy cách thức áp dụng vẫn còn mang nhiều tính chất áp đặt, vì vậy chính sách điều hành lãi suất cần phải đổi mới và phù hợp hơn trong thời gian tới.

Những tồn tại và hạn chế

Chính sách lãi suất tín dụng của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong những năm qua là đúng đắn và phù hợp với sự phát triển theo quy luật cung cầu trên thị trường. Mặc dù, trong điều kiện thị trường cạnh tranh như hiện nay, hệ thống ngân hàng thương mại vẫn hoạt động có hiệu quả không có rủi ro lớn xảy ra như những năm trước. NHNN đã theo sát diễn biến thực tế của thị trường để quản lý, điều hành và điều chỉnh lãi suất phù hợp với tình hình kinh tế chung.

Tuy nhiên trước bối cảnh nền kinh tế Mỹ và thế giới sau cuộc khủng bố tại New York và Washington ngày 11.9.2001, kết hợp với tình hình nền kinh tế trong nước, từ ngày 01.10.2001, NHNN tiếp tục cắt giảm mức lãi suất cơ bản của mình từ 0,65%/tháng xuống còn 0,6%/tháng so với mức 0,75%/tháng cùng kỳ năm trước. Đây là lần cắt giảm lãi suất thứ tư trong năm 2001.

- Lãi suất cơ bản vừa qua hầu như không gây ra sự thay đổi nào trên thị trường tiền đồng VN. Điều này làm cho nhiều chuyên gia lẫn các tổ chức tín dụng phải thốt ra rằng: lãi suất "cơ bản mà không hề... cơ bản" tức là lãi suất chưa làm tròn vai trò định hướng trên thị trường.

- Biên độ lãi suất quá rộng gây ra sự chênh lệch lãi suất quá lớn giữa các đối tượng khách hàng. Các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) có quy mô lớn được hưởng nhiều ưu đãi, lại được nhà nước bảo hộ, nên được các NHTM cạnh tranh với nhau tìm mọi cách thu hút, đưa ra các mức lãi suất cho vay thấp. Còn các loại hình doanh nghiệp khác, nhất là các doanh nghiệp tư nhân phải vay với lãi suất cao. Đặc biệt các hộ nông dân phải vay với lãi suất gấp 2 lần lãi suất cho vay DNNN. Cơ chế lãi suất mà ngân hàng thực hiện không tạo ra sự cạnh tranh bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp, không thúc đẩy cải cách doanh nghiệp.

Như vậy, cùng với những ưu điểm trong chính sách lãi suất hiện nay, tương đối công bằng phù hợp với mọi thành phần kinh tế cho vay đảm bảo thực dương, bảo đảm sức độ trượt giá trên thị trường bên cạnh còn có những hạn chế không ít, lãi suất ngân hàng chưa thực sự đóng vai trò là đòn bẩy kinh tế, chưa tận dụng hết nguồn vốn tối đa trong xã hội để tạo thành khối lượng tín dụng đủ mạnh đáp ứng theo yêu cầu phát triển của nền kinh tế.

Các giải pháp

1. Trong dài hạn chúng ta phải hướng đến việc tự do hóa lãi suất. Nghiệp vụ thị trường mở ở Việt Nam đã được khai trương vào tháng 7.2000. Đây là một bước tiến quan trọng trong quá trình tự do hóa lãi suất. Công cụ nghiệp vụ thị trường mở ra đời có biến động về chất trong điều tiết chức năng

của nó, là công cụ hiệu quả nhất điều tiết mức cung ứng tiền, lãi suất theo cung cầu thị trường. Vì vậy NHNN nên mở rộng chủng loại hàng hóa, đối tượng tham gia vào thị trường này. Thực hiện tự do hóa lãi suất, điều đó có nghĩa là lãi suất thực sự phản ánh cung cầu tín dụng trong nền kinh tế. Khi đó NHNN muốn can thiệp vào chính sách lãi suất chỉ bằng việc thay đổi lãi suất tái chiết khấu. Tuy nhiên để thực hiện được điều này hệ thống kinh tế cần phải hội đủ một số điều kiện sau:

-Hệ thống ngân hàng phải vững mạnh về nghiệp vụ. Việc thanh toán giữa các ngân hàng phải diễn ra nhanh chóng, chính xác. Điều này sẽ giúp làm giảm sự đọng vốn tạm thời trong các ngân hàng.

-Hệ thống thanh toán qua ngân hàng phát triển, giảm thiểu việc thanh toán bằng tiền mặt.

-Có sự phát triển tương đối đồng đều giữa các vùng kinh tế trong cả nước. Điều này sẽ rút ngắn sự chênh lệch giữa tỷ lệ lợi nhuận bình quân giữa các ngành.

2. Ngân hàng trung ương điều chỉnh lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn như hiện nay là phù hợp. Vì vậy, trong những năm tới ngân hàng trung ương vẫn duy trì mức điều chỉnh này.

3. Xác định lãi suất cơ bản hợp lý làm cơ sở để NHTM và các tổ chức tín dụng xác định mức lãi suất cho vay bằng đồng nội tệ theo hướng có lợi hơn hướng đến giảm chênh lệch lãi suất giữa đồng nội tệ và đồng USD nhằm ngăn chặn xu hướng vay ngoại tệ trong tình trạng hiện nay.

Việc điều hành lãi suất theo cơ chế lãi suất cơ bản như hiện nay là một bước tiến mới trong quá trình tiến tới tự do hóa lãi suất. Vì vậy việc hoàn thiện điều hành lãi suất trong giai đoạn tới

chủ yếu là nhằm vào việc hoàn thiện nguyên tắc xác định lãi suất cơ bản. Lãi suất vừa đáp ứng lợi ích người đi vay và người cho vay. Đối với người cho vay thì lãi suất phải bao gồm lạm phát dự kiến, rủi ro và mức lợi nhuận mong đợi. Còn người đi vay thì mức lãi suất phải nhỏ hơn mức lợi nhuận thu được từ lợi nhuận kinh doanh. Chính vì vậy về phía ngân hàng cần phải xác định chính xác mức lạm phát dự kiến, rủi ro và lợi nhuận mong đợi.

a) Đối với tiền đồng VN

Thực hiện các bước trình theo trình tự sau:

Dự kiến mức lạm phát: Dựa trên định hướng phát triển kinh tế - xã hội của chính phủ, dự báo của một số cơ quan chức năng như Bộ kế hoạch và đầu tư, Tổng cục thống kê và bản thân NHNN.

b) Xác định lợi nhuận bình quân của nền kinh tế

Có thể sử dụng một trong các phương pháp sau:

- NHNN phối hợp với Bộ kế hoạch và đầu tư, Tổng cục thống kê để xác định mức lợi nhuận bình quân của nền kinh tế.

- NHNN phối hợp với các TCTD điều tra chọn mẫu mức lợi nhuận bình quân của khách hàng.

- Dự kiến mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, đảm bảo yêu cầu: Lạm phát < Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn < Lợi nhuận bình quân nền kinh tế.

- Xác định mức chi phí cho một đồng vốn huy động, căn cứ vào các yếu tố sau:

- + Quy định về dự trữ bắt buộc
- + Kết cấu vốn huy động.
- + Mức lãi suất huy động dự kiến.

- Xác định mức chi phí tối thiểu đảm bảo cho số lớn các TCTD thực hiện được nguyên tắc của hạch toán kinh doanh.

Việc xác định mức chi phí tối thiểu này phải đáp ứng số lớn các TCTD đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, dựa trên việc phân tích tình hình tài chính của các TCTD này.

- Xác định mức lãi suất cơ bản theo công thức sau:

Lãi suất cơ bản = Chi phí huy động vốn + Chi phí tối thiểu cho hoạt động của TCTD + Lợi nhuận dự kiến của TCTD

Rủi ro tín dụng được tính trong lợi nhuận dự kiến cho TCTD theo quy định hiện hành hoặc trong chi phí tối thiểu cho TCTD khi rủi ro tín dụng được phép trích từ chi phí.

Mức lợi nhuận dự kiến, được căn cứ vào chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ. Nếu xác định phát triển hoạt động ngân hàng trước một bước so với sự phát triển của nền kinh tế thì sẽ để mức lợi nhuận cao. Ngược lại, nếu xác định hạ thấp mức lãi suất cho vay xuống tới mức tối thiểu thì sẽ để mức lợi nhuận này thấp.

- Xác định biên độ dao động cho phép, xác định trên cơ sở sau:

Phân nhóm các TCTD để phân tích kết quả kinh doanh từng nhóm TCTD:

- + TCTD được phép kinh doanh ngoại tệ: 100% vốn nước ngoài; liên doanh; quốc doanh; cổ phần đô thị.

- + TCTD chưa được phép kinh doanh ngoại tệ; cổ phần đô thị; cổ phần nông thôn; quỹ tín dụng cơ sở.

Trên cơ sở phân tích trên, lựa chọn biên độ dao động cho phép. Trường hợp biên độ dao động quá lớn, NHNN trình Chính phủ cho điều chỉnh chính sách về thuế thu nhập đối với các nhóm TCTD khác nhau.

c) Đối với ngoại tệ

Từ ngày 01.06.2001, NHNN bỏ cơ chế quy định khống chế biên độ, cho phép các NHTM, TCTD dựa trên lãi suất thị trường quốc tế và cung cầu nguồn vốn ngoại tệ trong nước mà thỏa thuận với khách hàng mức lãi suất cho vay phù hợp. Đây được coi là cơ chế tự do hóa lãi suất cho vay ngoại tệ.

d) Điều hành lãi suất cơ bản

Định kỳ mỗi tháng một lần Thống đốc NHNN công bố lãi suất cơ bản và biên độ dao động cho phép, nhằm mục đích tránh lạc hậu so với diễn biến của nền kinh tế - xã hội và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh và dự kiến kết quả tài chính ■

(Tiếp theo trang 42)

Nhìn lại hội nghị ...

Đồng thuận Monterrey

Có thể hình dung rõ hơn nguy cơ này khi đọc kỹ điều 6 của bản thông cáo chung mang tên "Đồng thuận Monterrey" (Monterrey consensus): "Mỗi nước đều có trách nhiệm tiên khởi về sự phát triển kinh tế xã hội của chính mình, song không thể cường điệu vai trò của các chính sách quốc gia và chiến lược phát triển". Trong điều kiện "không thể cường điệu" các chính sách và chiến lược phát triển của mình, còn đâu nữa sự độc lập trong chính sách của các nước nghèo? Thế nhưng, nếu chỉ dừng lại ở đây và nguyên rủa "thiên hạ", sẽ là tự giết mình. Vấn đề là nhìn kỹ xem "thiên hạ" đòi hỏi mình những gì, điều gì hữu lý, điều gì cần thiết. Có khi một sự câu thúc nghiêm ngặt từ phía các nước cho đặt ra cho các nước nhận lại chính là cái "lan can" ngăn ngừa viễn cảnh khánh tận vì phung phí và bất tài...

Điều 10 bản thông cáo chung có ghi: "Trong việc đeo đuổi tăng trưởng, xoá nghèo và phát triển bền vững, thách thức gay gắt là làm sao đảm bảo các điều kiện cần thiết cho việc huy động tiết kiệm trong nước, cả trong khu vực công lẫn như tư, duy trì mức độ đầu tư sản xuất thích hợp và gia tăng năng suất lao động". Điều 12 cũng ghi: "Cải trị tốt là then chốt cho sự phát triển lâu dài. Các chính sách kinh tế lành mạnh, các định chế dân chủ vững vàng đáp ứng được các nhu cầu của dân chúng, và cơ sở hạ tầng được cải thiện, chính là nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững, xoá nghèo và tạo công ăn việc làm..."

Điều 13 còn nhấn mạnh: "Chống tham nhũng ở mọi cấp là một ưu tiên. Tham nhũng là rào cản nghiêm trọng đối với việc huy động cũng như phân phối một cách hữu hiệu các tài nguyên, tham nhũng còn làm mòn rút đi những tài nguyên dành cho các hoạt động tối cần thiết cho việc xoá nghèo và phát triển kinh tế bền vững".

...Còn nhiều nữa những điều kiện xin/cho. Vấn đề là tự mình nhận ra đâu là những gì cần đáp ứng để sau này đừng bị "thiên hạ" o ép ■